TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 05/01/2021
V/v: Tranh chấp thanh toán hợp đồng thuê máy thi công và cung ứng dịch vụ, hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Tiến Hùng

Bà Đàm Thị Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lục Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/12/2020 đến 05/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM về "Tranh chấp thanh toán hợp đồng thuê máy thi công và cung ứng dịch vụ, hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 24/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 11/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ T. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị M – Giám đốc Công ty, địa chỉ: Phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Công Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty. Địa chỉ: Số 3, ngách 145/48, đường Q, phường N, quận T, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2020, người đại diện của Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ T trình bày như sau:

Thông qua sự giới thiệu của ông Trần Đăng L – Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên T có địa chỉ tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nên ngày 05/01/2018 Công ty cổ phần Thương Mại – Dịch vụ T (gọi tắt là bên A) đã ký kết với Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B (gọi tắt là bên B) hợp đồng số 07/HĐ – MXD về việc bên A cho bên B thuê máy đào gầu xúc HUYNDAI 1300 để thực hiện thi công san lấp mặt bằng, nền móng công trình cầu B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn do bên B nhận thầu. Ngoài ra còn ký kết các Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-XD ngày 28/3/2018 và số 04/PLHĐ-XD ngày 31/7/2018 về việc bên A cung ứng một số vật tư hàng hóa, dịch vụ khác như xe Ben chở đất, cung ứng xi măng, cát đổ bê tông, đá Sup bây cho bên B để thi công công trình trên. Chủ thầu công trình là Ban quản lý dự án 3 – Tổng cục đường bộ V là chủ đầu tư của công trình, còn tư vấn giám sát là Ban quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông – Sở Giao thông vận tải L.

Thực hiện hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng nêu trên, phía Công ty cổ phần Thương Mại – Dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) đã cung ứng dịch vụ và hàng hóa đáp ứng đúng theo yêu cầu của Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B (gọi tắt là Công ty B) để Công ty B hoàn thành công trình. Tuy nhiên, phía Công ty B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, mặc dù theo hợp đồng thì thời hạn thanh toán là trong năm 2018, nhưng tính đến ngày 28/12/2018 thì Công ty B còn nợ phía Công ty T tổng số tiền là 253.420.000 đồng chưa thanh toán. Gồm các khoản theo các hóa đơn như sau:

1. Hóa đơn giá trị gia tăng số 732 ngày 18/01/2018 là 19.250.000 đồng.

2. Hóa đơn giá trị gia tăng số 765 ngày 09/4/2018 là 77.000.000 đồng.

3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 785 ngày 30/6/2018 là 77.000.000 đồng.

4. Hóa đơn giá trị gia tăng số 843 ngày 25/10/2018 là 129.450.000 đồng.

5. Hóa đơn giá trị gia tăng số 912 ngày 22/3/2019 là 129.450.000 đồng.

6. Tiền dầu + máy xúc + tiền nhà nghỉ: 4.920.000 đồng.

7. Ngày 04/11/2018 Phi dầu 200 lít: 3.850.000 đồng.

Tổng cộng là: 440.920.000 đồng

Ngày 05/01/2018 Công ty B đã đặt cọc số tiền 15.000.000 đồng; ngày 17/5/2018 đã chuyển tiền thuê máy với số tiền 77.000.000 đồng; ngày 20/9/2018 chuyển 77.000.000 đồng, tiền giảm giá máy xúc là 18.500.000 đồng. Tổng số tiền Công ty B đã đặt cọc và đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty Tân M là 187.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền mà Công ty B còn phải thanh toán nợ cho Công ty Tân M là: 440.920.000 - 187.500.000 = 253.420.000 đồng. Do vậy, ngày 28/12/2018 giữa Công ty Tân M và Công ty B đã lập Biên bản xác nhận khối lượng tính từ ngày 01/8/2018 đến 28/12/2018. Theo biên bản này hai bên đều thống nhất, xác nhận tổng số tiền Công ty Bcòn nợ Công ty Tân M là 253.420.000 đồng và thỏa

thuận khi Công ty Tân M cung cấp hóa đơn tài chính thì Công ty B sẽ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty Tân M. Thực hiện cam kết, Công ty Tân M đã suất đầy đủ các hóa đơn và đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán nợ, nhưng Công ty B đến nay không thanh toán.

Nay Công ty Tân M khởi kiện yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền sau:

1. Yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc là 253.420.000 đồng.

2. Buộc Công ty B có nghĩa vụ trả lãi theo lãi suất Ngân hàng quy định là 0,8%/30 ngày, thời điểm tính lãi từ ngày 28/12/2018 đến ngày 24/9/2020 là 20 tháng, 26 ngày: 253.420.000 đồng x 626 ngày x 8% /30 ngày = 42.304.000 đồng.

Đối với bị đơn là Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt. Tòa án đã thực hiện xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư thành phố H. Tại văn bản số 3310/CCTT-ĐKKD ngày 04/11/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố H cho biết đến thời điểm hiện tại, Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B chưa đăng ký thủ tục chia tách, sát nhập, phá sản, giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/6/2019 thì Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B có người đại diện theo pháp luật là ông Trần Công Đ, địa chỉ trụ sở chính tại nhà số 3, ngách 145/48 đường Q, phường N, quận T, thành phố H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và đã thực hiện đầy đủ các thủ tục niêm yết theo quy định tại địa chỉ trụ sở chính của Công ty B ghi trong Giấy chứng nhận doanh nghiệp nhưng đại diện của Công ty vẫn vắng mặt, không đến tham gia tố tụng.

Người làm chứng ông Trần Đăng L xác nhận có được giới thiệu để Công ty Tân M ký kết hợp đồng với Công ty B, nhưng cụ thể việc ký kết hợp đồng và thực hiện, thanh toán hợp đồng như thế nào thì ông không được biết, ông chỉ được nghe nói lại là Công ty B đến nay chưa thanh toán cho Công ty Tân M và hiện nay phía Công ty B cũng còn nợ công ty của ông, nhưng không biết địa chỉ của Công ty hiện nay ở đâu.

Người làm chứng ông Nguyễn Khánh V – Giám đốc Ban quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông – Sở giao thông vận tải L cũng xác nhận có việc ký kết hợp đồng thuê máy thi công giữa hai Công ty để thi công công trình cầu B, xã T, huyện V, Lạng Sơn, nhưng cụ thể việc ký hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán như thế nào giữa các bên thì Ban quản lý dự án không nắm được vì không thực hiện việc thanh toán và chuyển khoản qua Ban quản lý dự án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Tân M đã rút phần yêu cầu tính lãi suất với số tiền 42.304.000 đồng, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không

bị ép buộc gì. Tại phần tranh luận do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự; quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt là chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng. Việc bị đơn vắng mặt đã được Tòa án thực hiện niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Việc Công ty Tân M yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ gốc 253.420.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận. Đối với khoản tiền lãi chậm trả, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định pháp luật, buộc đương sự phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tuy Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B, có địa chỉ trụ sở tại: số 3, ngách 148/45, đường Q, phường N, quận T, thành phố H. Nhưng tại Điều 6 hợp đồng số 07/HĐ – MXD ngày 05/01/2018 các bên đã thỏa thuận "Nếu có vướng mắc trong thực hiện hợp đồng, nếu không thỏa thuận được thì đưa ra Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết". Do vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn vắng mặt đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng tại trụ sở nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hợp đồng số 07/HĐ – MXD ngày 05/01/2018 được ký kết giữa hai pháp nhân có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các bên đều có mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Do vậy xác định đây là hợp đồng kinh tế, quá trình thực hiện hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong việc thuê máy thi công và cung ứng dịch vụ, hàng hóa dẫn đến tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là "Tranh chấp thanh toán hợp đồng thuê máy thi công và cung ứng dịch vụ, hàng hóa" là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo Biên bản xác nhận khối lượng đề ngày 28/12/2018, hai bên đều thống nhất, xác nhận tổng số tiền Công ty B còn nợ Công ty Tân M là 253.420.000 đồng, đồng thời thỏa thuận khi Công ty Tân M cung cấp hóa đơn tài chính thì Công ty B sẽ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty Tân M. Thực hiện cam kết, Công ty Tân M đã suất đầy đủ các

hóa đơn, hóa đơn cuối cùng số 912 suất ngày 22/3/2019 và đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán nợ, nhưng Công ty B đến nay không thanh toán. Như vậy xác định thời điểm Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán là tháng 3/2019, tính đến thời điểm khởi kiện và vụ án được đưa ra xét xử vẫn còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại. Do vậy Công ty Tân M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là phù hợp khoản 3 Điều 317 Luật thương mại.

[4] Về tính pháp lý của hợp đồng và phụ lục hợp đồng: Hợp đồng số 07/HĐ-MXD ngày 05/01/2018 và các Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-XD ngày 28/3/2018; Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ-XD ngày 31/7/2018 được ký kết giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và được ký kết giữa người đại diện theo pháp luật của Công ty Tân M và Công ty B trên cơ sở tự nguyện xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và nhu cầu của các bên, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự và Điều 24; 74; 269 Luật thương mại, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

[5] Đối với yêu cầu được thanh toán nợ của Công ty Tân M thấy rằng: Căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng đã ký kết số 07/HĐ – MXD ngày 05/01/2018 và các phụ lục hợp đồng thì phía Công ty Tân M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung ứng dịch vụ cho thuê máy, cung cấp sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đúng thời hạn, đúng số lượng và chủng loại, đã thực hiện suất đầy đủ các hóa đơn thanh toán theo yêu cầu của Công ty B. Tuy nhiên, phía Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tân M, căn cứ vào biên bản xác nhận khối lượng lập ngày 28/12/2018 có xác nhận của người đại diện hai Công ty thì phía Công ty B chưa thanh toán cho Công ty Tân M với tổng số tiền 253.420.000 đồng mặc dù đã được yêu cầu thanh toán nhiều lần. Do vậy việc Công ty Tân M khởi kiện yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chậm trả: Theo đơn khởi kiện Công ty Tân M còn yêu cầu Công ty B phải trả lãi suất với số tiền 42.304.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ phần yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B sẽ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật theo khoản 1 điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

[8] Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 5 Điều 30; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 117; 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 24; Điều 74; Điều 269; khoản 3 Điều 317 và Điều 319 Luật thương mại.

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ T về việc yêu cầu thanh toán hợp đồng thuê máy thi công, cung ứng dịch vụ, hàng hóa. Cụ thể:

Buộc Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ T số tiền nợ gốc là 253.420.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu của Công ty Thương mại - Dịch vụ T về việc yêu cầu Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng B thanh toán tiền lãi với số tiền 42.304.000 đồng.

3. Án phí:

- Bị đơn Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây, dựng B phải chịu 12.671.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bẩy mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Nguyên đơn Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ T số tiền 7.393.000 đồng (Bẩy triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/03999 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan;
- Chi cục THA dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nông Bá Hiệp